

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày 31/3/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I, đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H1 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Ủy quyền khởi kiện cho: Ông Trần La Ngọc H2 - Chức vụ: Trưởng phòng tổ tụng Công ty T2.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Công ty L; Địa chỉ: Số B, đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H3 - Chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Đức T - Nhân viên (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số: 289/GUQ-2024 ngày 18/12/2024)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 13/3/2023, Công ty T2 (V) (Sau đây gọi tắt là: Công ty T2) ký Hợp đồng tín dụng theo “ Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số: 4393153 (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Quốc N với khoản vay trị giá 38.772.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó bao gồm: 36.000.000đ tiền vay và 2.772.000đ tiền mua phí bảo hiểm khoản vay, hình thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 4,83%/tháng (tương đương 58%/năm). Thời hạn vay là 30 tháng kể từ ngày 05/4/2023 đến ngày 05/3/2025. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T2 đã giải ngân cho ông Nguyễn Quốc N bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng mà ông Nguyễn Quốc N cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Quốc N đã thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền 9.871.000đ (Chín triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng). Từ ngày 06/8/2023 ông Nguyễn Quốc N đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân.

Tính đến ngày 31/3/2025, ông Nguyễn Quốc N còn nợ tổng cộng 81.614.149đ, trong đó nợ gốc 35.326.234đ; tiền lãi trong hạn là 19.770.526đ; tiền lãi quá hạn là 24.116.210đ; tiền lãi chậm trả là 2.401.180đ.

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T2 (Việt Nam) khởi kiện và yêu cầu ông N phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 81.614.149đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc N không hợp tác nên không thu thập được lời khai của ông N.

Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Quốc N có vay và còn nợ Công ty T2 tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 81.614.149đ chưa thanh toán. Do vậy, nguyên đơn Công Tài chính TNHH Một thành viên M khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận. Về án phí giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T2 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc N phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, không có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Quốc N có địa chỉ tại khu phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T2 (Việt Nam) ông Nguyễn Đức T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quốc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, ông N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) yêu cầu ông Nguyễn Quốc N phải thanh toán tổng số tiền 81.614.149đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, xét thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 4393153 ngày 13/3/2023 thể hiện: ông Nguyễn Quốc N có vay Công ty T2 số tiền 36.000.000đ và tiền mua bảo hiểm khoản vay cho là 2.772.000đ; Lãi suất cho vay là 4,83%/tháng (tương ứng lãi suất 58 %/năm); Thời hạn vay là 24 tháng, hạn cuối trả là ngày 05/4/2025; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc và lãi vào ngày 5 hàng tháng; Mục đích vay tiêu dùng cá nhân và bảo hiểm người vay vốn. Công ty T2 đã giải ngân cho ông N đủ số tiền là 38.772.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Xét Công ty T2 là một tổ chức tín dụng nên việc tổ chức và hoạt động được thực hiện theo Luật các Tổ chức tín dụng, việc ký hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các bên, không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng tín dụng này có hiệu lực.

Mặc dù không thu thập được lời khai của ông N nhưng nguyên đơn đã thừa nhận ông Nguyễn Quốc N đã thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền 9.871.000đ (Chín triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng) được từ vào một phần tiền gốc và tiền lãi suất nên cần ghi nhận số tiền trả nợ này. Nhưng từ ngày 06/8/2023 ông Nguyễn Quốc N đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân là vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về số tiền nợ gốc: Bị đơn ông Nguyễn Quốc N không đến Tòa án nên không thu thập được lời khai. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng nêu trên, việc giải ngân và quá trình trả nợ của ông N thì xác định hiện nay ông Nguyễn Quốc N còn nợ tiền gốc là 35.326.234đ nhưng chưa thanh toán. Do vậy, nguyên đơn Công ty T2 khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi suất trong hạn, quá hạn và lãi chậm trả:

Công ty T2 (Việt Nam) yêu cầu ông Nguyễn Quốc N phải thanh toán tiền lãi trong hạn là 19.770.526đ; tiền lãi quá hạn là 24.116.210đ và lãi chậm trả là 2.401.180đ, tạm tính đến ngày 31/3/2025, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3.7 và 3.8 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số: 4393153 ngày 13/3/2023 các bên đã thỏa thuận: Lãi suất hàng tháng 4,83%/tháng; Lãi suất theo năm 58%/năm”. Tại Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định: “*1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất*”. Như vậy lãi suất trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo cơ chế tự thỏa thuận, miễn không chạm mức lãi suất do pháp luật hình sự cấm thì đều được công nhận. Do đó lãi suất trong hạn theo thỏa thuận với mức 4,83%/tháng là phù hợp. Việc ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngoài việc thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn còn phải thanh toán lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả theo thỏa thuận tại Mục 8.3 của “*Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng*” số 4393153 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, tính đến ngày 31/3/2025 ông N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong hạn là 19.770.526đ; tiền lãi quá hạn là 24.116.210đ, lãi chậm trả là 2.401.180đ và tiếp tục phải thanh toán lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Từ những phân tích nêu trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quốc N phải trả cho Công ty T2 (Việt Nam) tổng số tiền là 81.614.149đ, trong đó: nợ gốc: 35.326.234đ; lãi trong hạn: 19.770.526đ; lãi quá hạn: 24.116.210đ; lãi chậm trả: 2.401.180đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc N nộp án phí dân sự sơ thẩm là 81.614.149đ x 5% = 4.080.707đ. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty T2 (Việt Nam).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- + Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự;
- + Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- + Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- + Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc N:

+ Buộc ông Nguyễn Quốc N phải thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) tổng số tiền là 81.614.150đ (T1 mươi một triệu sáu trăm mười bốn ngàn một trăm năm mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 35.326.234đ; lãi suất trong hạn: 19.770.526đ; lãi suất quá hạn: 24.116.210đ; lãi phạt chậm trả: 2.401.180đ. Ông Nguyễn Quốc N còn phải tiếp tục phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4393153” ký ngày 13/3/2023 kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Quốc N phải nộp 4.080.708đ (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn bảy trăm linh tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là 1.382.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004180 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TP. Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cường